

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý 1 năm 2014
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,968,774,503,833	1,975,188,814,532
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	243,274,178,556	207,150,265,471
1	Tiền	111		242,249,858,556	206,125,945,471
2	Các khoản tương đương tiền	112		1,024,320,000	1,024,320,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		611,929,222,046	625,239,108,519
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V2	721,323,673,533	731,823,673,533
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V3	(109,394,451,487)	(106,584,565,014)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,022,633,280,952	1,054,111,962,429
1	Phải thu khách hàng	131	V4	347,347,478,063	330,654,291,854
2	Trả trước cho người bán	132	V5	73,274,382,043	109,574,193,827
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V6	613,785,057,846	625,657,113,748
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V7	(11,773,637,000)	(11,773,637,000)
IV	Hàng tồn kho	140		28,080,316,541	27,200,148,075
1	Hàng tồn kho	141		28,080,316,541	27,200,148,075
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		62,857,505,738	61,487,330,038
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V8	8,028,519,408	10,961,885,209
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,803,119,198	1,494,688,292
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	2,000,551,752
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V9	46,025,867,132	47,030,204,785

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,353,487,273,984	4,201,531,000,088
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		37,000,000,000	37,000,000,000
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218	V10	37,000,000,000	37,000,000,000
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		411,401,346,322	423,443,427,524
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V11	368,896,725,324	385,350,420,829
	Nguyên giá	222		934,204,673,793	934,739,799,585
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(565,307,948,469)	(549,389,378,756)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V12	5,425,098,638	5,633,967,095
	Nguyên giá	228		11,458,486,153	11,359,490,023
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,033,387,515)	(5,725,522,928)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V13	37,079,522,360	32,459,039,600
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,860,632,632,903	3,696,508,076,782
1	Đầu tư vào công ty con	251	V14	2,979,946,774,505	2,803,737,274,505
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V15	717,033,071,279	728,915,081,279
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V16	290,970,041,600	315,570,041,600
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V17	(127,317,254,481)	(151,714,320,602)
V	Tài sản dài hạn khác	260		44,453,294,759	44,579,495,782
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V18	394,973,780	518,967,111
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		749,631,551	749,631,551
3	Tài sản dài hạn khác	268	V19	43,308,689,428	43,310,897,120
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,322,261,777,817	6,176,719,814,620

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,686,683,512,034	1,572,961,685,492
I	Nợ ngắn hạn	310		838,299,437,200	790,615,424,347
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V20	421,750,390,723	441,102,201,993
2	Phải trả người bán	312	V21	111,607,130,189	107,484,643,790
3	Người mua trả tiền trước	313	V22	138,917,007,338	20,878,878,372
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V23	-	41,565,670,693
5	Phải trả người lao động	315	V24	4,166,361,069	8,861,694,590
6	Chi phí phải trả	316	V25	55,651,022,362	42,257,550,569
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V26	105,683,151,261	127,940,410,082
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V27	524,374,258	524,374,258
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II	Nợ dài hạn	330		848,384,074,834	782,346,261,145
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333	V28	3,955,382,947	1,541,101,627
4	Vay và nợ dài hạn	334	V29	755,514,340,661	692,326,571,430
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V30	88,914,351,226	88,478,588,088
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4,635,578,265,783	4,603,758,129,128
I	Vốn chủ sở hữu	410		4,635,578,265,783	4,603,758,129,128
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V31	1,144,216,690,000	1,144,216,690,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V31	2,471,474,474,400	2,471,474,474,400
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V31	69,388,382,902	69,388,382,902
4	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

8	Quỹ dự phòng tài chính	418	V31	34,616,898,799	34,616,898,799
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V31	31,502,833,892	31,502,833,892
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V31	884,378,985,790	852,558,849,135
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,322,261,777,817	6,176,719,814,620

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2014

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ NĂM 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý 1 Năm 2014

Chi tiêu	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ	208.282.906.622	223.618.787.630	208.282.906.622	223.618.787.630
2 Các khoản giảm trừ				
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	208.282.906.622	223.618.787.630	208.282.906.622	223.618.787.630
4 Giá vốn hàng bán	201.893.010.848	210.658.889.983	201.893.010.848	210.658.889.983
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	6.389.895.774	12.959.897.647	6.389.895.774	12.959.897.647
6 Doanh thu hoạt động tài chính	35.583.950.017	185.049.160.587	35.583.950.017	185.049.160.587
7 Chi phí tài chính	(3.538.882.641)	75.268.176.760	(3.538.882.641)	75.268.176.760
Trong đó :				
- Chi phí lãi vay	17.773.615.256	18.629.226.289	17.773.615.256	18.629.226.289
8 Chi phí bán hàng	863.013.724	1.850.716.450	863.013.724	1.850.716.450
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.935.902.812	12.863.709.106	12.935.902.812	12.863.709.106
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.713.811.896	108.026.455.918	31.713.811.896	108.026.455.918
11 Thu nhập khác	979.357.797	6.960.800.591	979.357.797	6.960.800.591
12 Chi phí khác	299.698.689	830.516.617	299.698.689	830.516.617
13 Lợi nhuận khác	679.659.108	6.130.283.974	679.659.108	6.130.283.974
14 Lợi nhuận trước thuế	32.393.471.004	114.156.739.892	32.393.471.004	114.156.739.892
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	137.571.211	-	137.571.211	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	435.763.138		435.763.138	
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.820.136.655	114.156.739.892	31.820.136.655	114.156.739.892

T.p Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2014

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****Quý 1 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Quý 1 năm 2014	Quý 1 năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32,393,471,004	114,156,739,892
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	16,198,845,320	20,347,113,816
- Các khoản dự phòng	03	(21,587,179,648)	48,666,724,207
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11,204,627,605)	(196,247,081,289)
- Chi phí lãi vay	06	17,773,615,256	18,629,226,289
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33,574,124,327	5,552,722,915
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2,429,263,603	(49,961,278,494)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(880,168,466)	(3,230,086,306)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	91,152,269,716	20,648,832,864
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3,057,359,132	1,742,438,569
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6,706,549,263)	(11,097,636,689)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(36,408,621,111)	(297,037,893)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,011,104,451	2,424,924,235
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,769,645,000)	(1,862,333,348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88,459,137,389	(36,079,454,147)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(98,961,248)	(915,602,981)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9,782,909,091	6,622,341,819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1,500,000,000)	(2,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12,000,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Quý 1 năm 2014	Quý 1 năm 2013
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(136.209.500.000)	(262.939.680.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	11.882.011.095	40.317.277.247
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.887.162.413	235.214.062.114
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(96.256.378.649)	16.298.398.199
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	32.834.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	200.227.820.747	262.726.091.302
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(156.306.666.402)	(196.327.748.358)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.921.154.345	99.232.342.944
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	36.123.913.085	79.451.286.996
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	207.150.265.471	236.926.587.737
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	243.274.178.556	316.377.874.733

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2014



Trương Như Nguyễn
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 1 của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2014 : 21.072 VND/USD
31/12/2013 : 21.073 VND/USD

21. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.608.642.509	3.749.013.350
Tiền gửi ngân hàng	231.431.701.009	200.259.776.564
Tiền đang chuyển	8.209.515.038	2.117.155.557
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	1.024.320.000	1.024.320.000
Cộng	<u>243.274.178.556</u>	<u>207.150.265.471</u>

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	144.874.867.330	144.874.867.330
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	94.048.806.203	104.548.806.203
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	1.872.256.203	372.256.203
- Cho vay ngắn hạn	92.176.550.000	104.176.550.000
Cộng	<u>721.323.673.533</u>	<u>731.823.673.533</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(106.584.565.014)	(97.773.145.783)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.809.886.473)	(8.811.419.231)
Số cuối kỳ	<u>(109.394.451.487)</u>	<u>(106.584.565.014)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	346.027.478.063	328.278.291.854
Dịch vụ cho thuê tài sản	1.320.000.000	2.376.000.000
Cộng	<u>347.347.478.063</u>	<u>330.654.291.854</u>

Các khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH cảng Phước Long	14.920.929.245	4.558.811.292
Các nhà cung cấp khác	58.353.452.798	105.015.382.535
Cộng	<u>73.274.382.043</u>	<u>109.574.193.827</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	30.449.356.840	29.170.733.788
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	540.619.946.018	568.243.866.794
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	253.141.290.028	252.223.182.678
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	4.412.262.406	4.412.496.543
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	35.000.000.000	35.000.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	77.263.813.831	120.008.688.893
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền hỗ trợ vốn	28.000.000.000	32.000.000.000
- Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ	57.257.361.863	54.177.012.754
- Grand Pacific Shipping - tiền chi hộ	1.181.618.854	1.191.574.049
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	20.293.670.208	20.293.670.208
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	30.873.908.508	18.000.000.000
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	19.174.209	19.174.209
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển – tiền chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	-	22.079.115.607
- Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương (Paruco)	1.084.855.043	1.001.163.043
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	25.963.803.568	1.709.601.310
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.000.000.000	14.446.300.000
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	376.666.667	-
Các khoản phải thu khác	14.339.088.321	10.796.213.166
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.224.454.609	4.224.454.609
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.480.975.057	546.902.189
- Bảo hiểm xã hội phải thu	-	721.055.501
- Phải thu thanh lý hợp đồng Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao - Transvina	4.622.341.406	4.622.341.406

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Các khoản phải thu khác	4.011.317.249	681.459.461
Cộng	<u>613.785.057.846</u>	<u>625.657.113.748</u>
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(773.637.000)	(773.637.000)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Cộng	<u>(11.773.637.000)</u>	<u>(11.773.637.000)</u>
Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(11.773.637.000)	(11.692.637.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(81.000.000)
Số cuối kỳ	<u>(11.773.637.000)</u>	<u>(11.773.637.000)</u>
8. Chi phí trả trước ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê tàu	2.535.600.000	6.339.000.000
Chi phí sửa chữa	2.165.252.639	1.407.629.170
Chi phí bảo hiểm	1.392.739.354	966.582.449
Công cụ, dụng cụ	703.954.230	1.695.890.313
Chi phí khác	1.230.973.185	552.783.277
Cộng	<u>8.028.519.408</u>	<u>10.961.885.209</u>
9. Tài sản ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	42.459.458.736	42.248.916.017
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	3.566.408.396	4.781.288.768
Cộng	<u>46.025.867.132</u>	<u>47.030.204.785</u>
10. Phải thu dài hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:		
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	<u>37.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>
11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		
Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 345.531.537.709 VND và 183.958.015.905 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (xem thuyết minh số V.20 và V.29). Ngoài ra, Công ty cũng dùng tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 31.679.789.600 VND và 27.195.309.250 VND thế chấp ngân hàng để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long.

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	112.135.092.840	808.389.286.948	6.934.156.465	934.739.799.585
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(535.125.792)	-	(535.125.792)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(535.125.792)	-	(535.125.792)
Số cuối kỳ	7.281.263.332	112.135.092.840	807.854.161.156	6.934.156.465	934.204.673.793
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.415.292.005	108.565.656.593	428.721.675.642	6.686.754.516	549.389.378.756
Tăng trong năm	104.952.696	924.848.847	15.034.409.508	89.750.883	16.153.961.934
Khấu hao trong kỳ	104.952.696	924.848.847	15.034.409.508	89.750.883	16.153.961.934
Giảm trong năm	-	-	(235.392.221)	-	(235.392.221)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(235.392.221)	-	(235.392.221)
Số cuối kỳ	5.520.244.701	109.490.505.440	443.520.692.929	6.776.505.399	565.307.948.469
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.865.971.327	3.569.436.247	379.667.611.306	247.401.949	385.350.420.829
Số cuối kỳ	1.761.018.631	2.644.587.400	364.333.468.227	157.651.066	368.896.725.324

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.109.086.613	11.359.490.023
Tăng trong năm	-	98.996.130	98.996.130
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	5.725.522.928	5.725.522.928
Khấu hao trong năm	-	307.864.587	307.864.587
Số cuối kỳ	-	6.033.387.515	6.033.387.515
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	4.383.563.685	5.633.967.095
Số cuối kỳ	1.250.403.410	4.174.695.228	5.425.098.638

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	32.459.039.600	4.719.478.890	(98.996.130)	37.079.522.360
Cộng	32.459.039.600	4.719.478.890	(98.996.130)	37.079.522.360

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị là 31.799.789.600 VND đã được thế chấp ngân hàng để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại ngân hàng TMCP Quốc Tế chi nhánh Sài Gòn.

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	78,60	78,60	39.780.000.000	39.780.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	7.500.000.000	7.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	100,00	12,53	75.200.000.000	73.900.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái	100,00	66,98	380.765.628.630	380.765.628.630

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	100,00	29,45	306.163.100.000	251.253.600.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	35,00	84,66	338.625.450.000	218.625.450.000
Công ty TNHH Cao ốc hàng hải	100,00	100,00	936.102.000.000	936.102.000.000
Cộng			2.979.946.774.505	2.803.737.274.505

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	49,00	49,00	5.110.700.000	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,14	18.464.608.143	18.464.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	-	11.882.010.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000	29.375.000.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	41,67	41,67	351.750.000.000	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd	40,00	21,84	45.617.683.136	45.617.683.136
Cộng			717.033.071.279	728.915.081.279

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	168.734.041.600	168.734.041.600
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	165.581.032.000	165.581.032.000
- Công ty cổ phần vận tải đa phương thức	3.153.009.600	3.153.009.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	53.376.000.000	53.376.000.000
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	-	-
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
- Các công ty khác	20.876.000.000	20.876.000.000
Cho vay dài hạn	68.860.000.000	93.460.000.000
- Cho Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept vay với thời hạn 05 năm và lãi suất 9,8%/năm	54.860.000.000	68.460.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cho Công ty cổ phần Cảng Nam Hải vay với thời hạn 05 năm và lãi suất 9,8%/năm	14.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	290.970.041.600	315.570.041.600

- (iii) Toàn bộ cổ phiếu này được cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.20).

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	46.307.972.560	46.307.972.560
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	47.500.185.707	54.543.757.754
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	29.302.661.150	45.862.590.287
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	4.206.435.064	5.000.000.000
Cộng	127.317.254.481	151.714.320.602

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(151.714.320.602)	(159.344.207.647)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	24.397.066.121	7.629.887.045
Số cuối kỳ	(127.317.254.481)	(151.714.320.602)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí trang trí nội thất	307.614.001	-	83.894.724	223.719.277
Phần mềm kế toán	75.968.753	-	15.193.749	60.775.004
Chi phí khác	135.384.357	-	24.904.858	110.479.499
Cộng	518.967.111	-	123.993.331	394.973.780

19. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	842.876.923	-
Ký quỹ thuê tàu	42.143.846.154	42.146.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	-	842.920.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	321.966.351	321.977.120
Cộng	43.308.689.428	43.310.897.120

20. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	153.556.977.034	163.040.063.684
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	-	25.346.654.334
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	75.177.698.514	54.566.476.072

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	30.087.174.287	28.812.229.865
- Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam ^(iv)	48.292.104.233	54.314.703.413
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	226.621.985.121	226.633.566.883
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(v)	226.621.985.121	226.633.566.883
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.32)	41.571.428.568	51.428.571.426
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	29.571.428.568	39.428.571.426
Cộng	<u>421.750.390.723</u>	<u>441.102.201.993</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu;
 - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 16, 18, 20, 22, 24, 26.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.
- (v) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

21. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	4.582.271.932	7.373.597.036
- Công ty TNHH cảng Phước Long	1.793.214.788	6.614.873.380
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	2.497.030.306	405.192.077
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	191.664.599	353.531.579
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	100.362.239	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	107.024.858.257	100.111.046.754
Cộng	<u>111.607.130.189</u>	<u>107.484.643.790</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

22. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	136.810.587.922	18.772.458.956
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	2.106.419.416	2.106.419.416
Cộng	<u>138.917.007.338</u>	<u>20.878.878.372</u>

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	-	41.565.670.693
Cộng	<u>-</u>	<u>41.565.670.693</u>

24. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	48.377.016.737	37.309.950.744
Chi phí khác	7.274.005.625	4.947.599.825
Cộng	<u>55.651.022.362</u>	<u>42.257.550.569</u>

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	79.502.846
Cổ tức phải trả	14.437.150	10.040.535.950
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.159.206.640	1.780.817.111
Doanh thu chưa thực hiện	4.145.015	-
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	16.921.063.239	17.075.947.362
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	77.302.355.759	88.442.668.781
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền hỗ trợ vốn và các khoản thu hộ	10.210.227.720	10.097.499.362
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd. - tiền hỗ trợ vốn	43.456.416.242	43.458.637.170
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	8.005.727.042	8.000.000.000
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	5.336.398.780	16.592.946.274
Các khoản phải trả khác	10.281.943.458	10.520.938.032
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	1.017.264.881	1.256.259.455
Cộng	<u>105.683.151.261</u>	<u>127.940.410.082</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

27. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

28. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ.

29. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	144.428.571.430	144.428.571.430
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	36.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	108.428.571.430	108.428.571.430
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽ⁱⁱⁱ⁾	611.085.769.231	547.898.000.000
Cộng	<u>755.514.340.661</u>	<u>692.326.571.430</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

(iii) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay : USD 40,000,000

Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.

Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng này được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.

Mục đích vay : - Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
- Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
- Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.

Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:

- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

30. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	88.478.588.088	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	435.763.138	88.478.588.088
Số cuối kỳ	<u>88.914.351.226</u>	<u>88.478.588.088</u>

31. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.144.216.690.000	1.144.216.690.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	34.616.898.799	34.616.898.799
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	31.502.833.892	31.502.833.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	884.378.985.790	852.558.849.135

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.421.669	114.421.669
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	114.421.669	114.421.669
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	114.421.669
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.421.669	114.421.669
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	114.421.669
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1 năm 2014</u>	<u>Quý 1 năm 2013</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	208.282.906.622	201.455.310.004
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	22.163.477.626
Cộng	<u>208.282.906.622</u>	<u>223.618.787.630</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 năm 2014</u>	<u>Quý 1 năm 2013</u>
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	201.893.010.848	203.355.424.572
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	-	7.303.465.411
Cộng	<u>201.893.010.848</u>	<u>210.658.889.983</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

	<u>Quý 1 năm 2014</u>	<u>Quý 1 năm 2013</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	364.322.228	231.410.210
Lãi đầu tư chứng khoán	-	12.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.000.000.000	15.699.555.402
Lãi cho vay vốn	6.078.161.487	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.141.466.302	169.118.182.080
Cộng	<u>35.583.950.017</u>	<u>185.049.160.587</u>
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	17.773.615.256	18.629.226.289
Lỗ đầu tư chứng khoán	1.756.646.096	10.334.061.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá	261.105.455	4.357.565.779
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	39.412.723.506
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(23.330.249.448)	2.534.600.000
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	<u>(3.538.882.641)</u>	<u>75.268.176.760</u>
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí bán hàng	863.013.724	1.850.716.450
Cộng	<u>863.013.724</u>	<u>1.850.716.450</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	7.771.863.292	7.336.474.947
Chi phí khấu hao tài sản	1.194.807.678	1.480.923.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.632.405.500	4.042.974.998
Chi phí khác	2.336.826.342	3.335.923
Cộng	<u>12.935.902.812</u>	<u>12.863.709.106</u>
7. Thu nhập khác		
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	198.909.091	6.297.181.819
Các khoản thu nhập khác	780.448.706	663.618.772
Cộng	<u>979.357.797</u>	<u>6.960.800.591</u>
8. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	299.698.689	439.665.890
Các khoản chi phí khác	-	390.850.727
Cộng	<u>299.698.689</u>	<u>830.516.617</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 1 năm 2014</u>	<u>Quý 1 năm 2013</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.127.370.436	58.186.592.962
Chi phí nhân công	25.299.097.812	19.801.142.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.429.309.137	20.347.113.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.740.669.424	124.135.431.061
Chi phí khác	8.595.480.575	2.903.034.805
Cộng	<u>229.191.927.384</u>	<u>225.373.315.539</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết bảo lãnh

Công ty sử dụng 04 cầu Liebherr đang ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình (có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 31.679.789.600 VND và 27.195.309.250 VND) và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (có giá trị là 31.799.789.600 VND) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn. Theo đó Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 59.097.088.151 VND và số tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số tiền gốc này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Grand Pacific Shipping Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH vận tải Liên Ước Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Công ty con
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH Cao ốc hàng hải	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
	kiểm soát
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Chi hỗ trợ vốn		300.000.000
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Chi phí dịch vụ đại lý	173.359.597	232.427.924
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản chi hộ phải thu	3.412.527.546	3.002.072.689
Chi phí dịch vụ	4.635.840.000	3.030.349.688
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội</i>		
Lãi vay	-	58.407.500
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Chi hỗ trợ vốn	3.000.000.000	41.000.000.000
Chi phí dịch vụ	13.473.871.711	14.298.713.818
Doanh thu dịch vụ	1.841.586.128	-
Chi hộ	5.124.938	22.092.106
Các khoản phải thu khác	-	578.178.021
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Chi hộ	-	33.644.555
Lãi cho vay	1.475.934.445	2.534.770.000
Doanh thu vận tải	2.698.646.577	2.703.557.501
Chi phí dịch vụ	8.307.562.401	2.551.455.364
Các khoản thu hộ phải trả	-	340.810.565
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Thu hộ phải trả	114.948.045	832.689.608
Doanh thu dịch vụ	15.967.836.733	17.408.419.061
Chi phí dịch vụ	17.575.350.155	9.683.943.344
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ</i>		
Chi hỗ trợ vốn	-	5.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Doanh thu dịch vụ	1.200.000.000	1.200.000.000
Chi phí dịch vụ	319.620.979	-
Lãi cho vay	494.083.333	1.225.000.000
Lợi nhuận được chia	25.000.000.000	-
Công ty TNHH công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Góp vốn	1.300.000.000	3.800.000.000
Chi hộ	102.907.000	68.702.500
Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín		
Các khoản chi hộ	165.595.700	566.608.789
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương		
Góp vốn	-	39.736.500.000
Chi hộ	694.490.976	15.712.877.300
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	563.566.641
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Lãi cho vay	2.054.413.750	-
Góp vốn đầu tư	120.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ	202.626.026	-
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	97.707.491	93.893.618
Góp vốn đầu tư	-	55.000.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	894.545.417
Góp vốn	-	5.110.700.000
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	54.909.500.000	-
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	363.435.387
Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Chi hộ	36.798.500	39.770.500
Công ty TNHH Cao ốc hàng hải		
Thu hộ tiền cho thuê văn phòng	232.780.971	-
Chi hộ chi phí hoạt động	146.351.045	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Công ty còn dùng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc tối đa là 59.097.088.151 VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số VIII.1).

Ngoài ra, Công ty liên quan đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và VI Fund II, L.P (xem thuyết minh số V.22 và V.32).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải thu khác	28.000.000.000	32.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Phải thu khách hàng	18.406.234.018	19.103.805.748
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Phải thu khách hàng	195.778.637.543	195.778.637.543
Các khoản chi hộ	57.257.361.863	54.177.012.754
Ký quỹ thuê tàu	42.146.000.000	42.146.000.000
Grand Pacific Shipping		
Phải thu khác	1.181.618.854	1.191.574.049
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải thu khách hàng	2.027.484.415	1.739.680
Ứng trước tiền dịch vụ	13.121.705.795	4.558.811.292
Các khoản phải thu khác, chi hộ	77.439.196.022	120.008.688.893
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Phải thu khách hàng	4.333.892.351	858.754.886
Lợi nhuận được chia	13.000.000.000	13.000.000.000
Cho vay dài hạn	54.860.000.000	68.460.000.000
Phải thu khác	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải thu khách hàng	3.702.739.183	449.472.185
Các khoản chi hộ	19.174.209	19.174.209
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ		
Phải thu khác	20.293.670.208	20.293.670.208
Phải thu khách hàng	2.376.000.000	2.376.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải thu khách hàng	-	749.467.136

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận được chia	25.000.000.000	-
Cho vay dài hạn	14.000.000.000	25.000.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải thu khác	247.584.011	210.785.511
<i>Công ty TNHH dịch vụ tin học VT Tín</i>		
Phải thu khác	855.728.307	686.132.607
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Phải thu khác	22.079.115.607	22.079.115.607
<i>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải thu khác	1.104.070.043	1.001.163.043
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chỉ hệ dự án cao su	74.589.365.459	252.223.182.678
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Phải thu khác	4.412.287.152	4.412.496.543
<i>Công ty TNHH thương mại quã Cầu Vàng</i>		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	-	534.143.500
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Phải thu khách hàng	-	269.881.373
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải thu lãi cho vay	2.054.413.750	-
Cho vay	82.176.550.000	82.176.550.000
<i>Công ty TNHH Cao Ốc Hàng Hải</i>		
Phải thu khác	146.351.045	-
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Phải thu khác	300.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>779.209.179.835</u>	<u>982.066.259.445</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Các khoản phải trả khác	980.617.760	980.664.297

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho Quý 1 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Gemadept (Singapore) Ltd. Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	43.456.574.880	43.458.637.170
Grand Pacific Shipping Các khoản phải trả khác	1.479.100.000	1.475.110.000
Công ty TNHH cảng Phước Long Phải trả phí dịch vụ Nhận ứng trước	- 2.106.419.416	6.614.873.380 2.106.419.416
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng Phải trả phí dịch vụ Các khoản phải trả khác, thu hộ phải trả	2.497.030.269 10.532.096.613	405.192.077 10.097.499.362
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Phải trả phí dịch vụ	191.664.599	353.531.579
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương Phải trả khác	8.279.000.000	8.279.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương Phải trả khác Phải trả dịch vụ	8.000.000.000 5.727.042	8.000.000.000 -
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link Vay ngắn hạn	224.983.141.516	224.983.141.516
Công ty TNHH Cao ốc hàng hải Phải trả khác	232.780.971	5.571.624.785
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ Phải trả khách hàng	184.757.748	-
Cộng nợ phải trả	<u>313.222.496.789</u>	<u>322.619.279.557</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2014


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính